**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Năm 2019)***

**I. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Tăng Trường DFVN – CAF**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 3 tháng 1 năm 2019 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 7.65% so với tổng số vốn góp ban đầu của Quỹ.

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

**Chiến lược đầu tư:**

Quỹ DFVN-CAF sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

* Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
* Có tình trạng tài chính lành mạnh
* Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
* Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
* Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Trường hợp đầu tư vào chứng khoán chuẩn bị niêm yết phải đáp ứng các yêu cầu sau:
	+ Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và
	+ Có tài liệu chứng minh việc tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời gian mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch.
* Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
* Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**Cơ cấu đầu tư:**

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)** |
| Cổ phiếu | 50% – 100% |
| Tiền gửi ngắn hạn (\*) | 0 – 49% |
| Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát | Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên. |

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

**4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 34/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2019.

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ DFVN-CAF sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số lượng Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 7.747.580,49 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 77.475.804.900 VND.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Quỹ DFVN-CAF sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn và với các điều kiện sau đây:

a) Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.

b) Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.

c) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối Năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

d) Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ.

e) Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các qũy theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/12/2019****(%)** | **31/12/2018****(%)** | **31/12/2017****(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 91,41% | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.Tiền và các khoản tương đương tiền | 8,17% | N/A(1) | N/A(1) |
| 3.Tài sản khác | 0,42% | N/A(1) | N/A(1) |
| **Cộng** | **100,00** |  |  |

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **31/12/2019** | **31/12/2018** | **31/12/2017** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 80.870.153.926 | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành | 7.747.580,49  | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (CCQ) | 10.438,11 | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 11.121,66  | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 9.991,19  | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 4,38% | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 2,90% | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | -0,44% | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A(3) | N/A(3) | N/A(3) |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A(3) | N/A(3) | N/A(3) |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A(3) | N/A(3) | N/A(3) |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 3,45% | N/A(1) | N/A(1) |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1,912 | N/A(1) | N/A(1) |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*- N/A(2): Chứng chỉ Quỹ của quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*- N/A(3): Quỹ chưa thực hiện phân phối lợi nhuận.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | N/A(1) | N/A(1) |
| - 3 năm | N/A(1) |  N/A(1) |
| - Từ khi thành lập | 4,38% | N/A(1) |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | N/A(4) | N/A(4) |

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*- N/A(4): Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.*

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/12/2019****(%)** | **31/12/2018****(%)** | **31/12/2017****(%)** | **31/12/2016****(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | N/A(1) | N/A(1) | N/A(1) | N/A(1) |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Môi trường kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục chuyển biến tích cực trong quý IV và cả năm 2019 mặc dù bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại giữa căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị ngày càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Điều này được thể hiện qua các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản như tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tốt và bền vững với 6,97% trong quý IV và đạt mức 7,02% cả năm 2019 sau khi tăng trưởng mạnh trong năm 2018 với mức tăng ấn tượng 7,08%, đây là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện: Năm 2019, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 46,11%, bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 44,46%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018[[8]](https://www.gso.gov.vn/DDefault.aspx?tabid=210&NewItem=True&CateCode=72" \l "_ftn8" \o ")); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao.

Hiệu quả đầu tư được cải thiện với nhiều năng lực sản xuất mới bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,97 năm 2018; năm 2019 ước tính đạt 6,07. Bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015. *(theo Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Mức tăng trưởng ấn tượng này được thể hiện qua các chỉ số tăng trưởng xuất nhập khẩu với mức tăng 8,1% so với năm trước (ước tính đạt 517 tỷ USD). Cán cân thương mại hàng hóa đạt mức xuất siêu 9,9 tỷ USD trong năm 2019. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tiếp tục duy trì trên mức 50 các tháng trong các tháng năm 2019 tuy có lúc về sát mốc 50 vào các tháng cuối năm, tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI tiếp tục khởi sắc, giải ngân đạt 20,4 tỷ USD năm 2019); trong khi đó, tình hình lạm phát (CPI bình quân năm 2019 là 2,79%, tuy nhiên CPI trong những tháng cuối năm đã tăng đột biến do yếu tố giá thực phẩm, ví dụ CPI tháng 12 tăng 1,4% là mức tăng cao nhất của tháng trong 9 năm qua), lãi suất và tỷ giá trong tầm kiểm soát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Năm 2019 là một năm khá trầm lắng của thị trường so với năm 2018 là một năm thăng trầm của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Thị trường chứng kiến chỉ số [VN-Index](http://data.vietstock.vn/ket-qua-giao-dich/vietnam.aspx) đã có diễn biến tích cực trong quý I, tuy nhiên thị trường đã rời vào trạng thái trầm lắng trong 2 quý tiếp theo với biên độ dao động khá hẹp. Đến đầu quý IV năm 2019, chỉ số VN-index đã có cú bức phá mạnh trước khi điều chỉnh giảm và chốt năm với mức tăng trưởng khiêm tốn 7,7% cả năm 2019. Thanh khoản thị trường ổn định và cải thiện nhẹ ở mức trung bình 180 triệu USD một phiên.

Mới đây, Chính Phủ đã phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28/02/2019. Theo đó, Chính phủ đặt mục tiêu Quy mô thị trường cổ phiếu đạt mức 100% GDP vào năm 2020 và 120% vào năm 2025, quy mô thị trường trái phiếu đạt mức 47% GDP vào năm 2020 và 55% GDP vào năm 2025. Số lượng công ty niêm yết đến năm 2020 tăng 20% so với năm 2017. Đa dạng hóa các sản phẩm trên thị trường chứng khoán, đổi mới toàn diện và đồng bộ công nghệ giao dịch và thanh toán bù trừ trên thị trường chứng khoán. Trước năm 2025, nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trên danh sách các thị trường mới nổi. Bên cạnh đó, thị trường vẫn tiếp tục chờ đón những sự kiện mang tính xúc tác giúp thị trường tăng trưởng bền vững hơn, như việc thành lập các quỹ chỉ số tài chính (VNFIN LEAD, VNFIN SELECT), quỹ chỉ số các cổ phiếu hết room (VN Diamond), quỹ hưu trí (pension fund). Một sự kiện mang tính cơ cấu phát triển lâu dài cho thị trường chứng khoán là Luật chứng khoán mới hiệu lực từ đầu năm 2021.

Như vậy, với điểm tựa ổn định vĩ mô, cùng với bàn đạp là sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán sẽ tạo nền tảng bền vững và triển vọng tốt cho hoạt động của Quỹ.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | N/A(1) | N/A(1) | -0,44% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | N/A(1) | N/A(1) | 2,90% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | N/A(1) | N/A(1) | 4,38% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | N/A(1) | N/A(1) | N/A(1) |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A(5) | N/A(5) | N/A(5) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A(2) | N/A(2) | N/A(2) |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ;

● Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

● Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán. Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng.

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 31/12/2019 | 31/12/2018 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 80.870.153.926 | N/A(1) | N/A(1) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10.438,11  | N/A(1) | N/A(1) |

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ và chỉ rõ nguyên nhân.

*Chú thích:*

*- N/A(1): Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.*

*- N/A(2): Chứng chỉ Quỹ của quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*- N/A(5): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 256 |  264.788,46  | 3,42% |
| Từ 5000 - 10.000 | 15 |  92.384,08  | 1,19% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 18 |  250.992,81  | 3,24% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 2 |  139.415,14  | 1,80% |
| Trên 500.000 | 1 |  7.000.000,00  | 90,35% |
| **Tổng cộng** | **292** |  **7.747.580,49**  | **100%** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

**5.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Như phân tích ở trên, năm 2019 là một năm khá trầm lắng của thị trường so với năm 2018 là một năm thăng trầm của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Thị trường chứng kiến chỉ số [VN-Index](http://data.vietstock.vn/ket-qua-giao-dich/vietnam.aspx) đã có diễn biến tích cực trong quý I, tuy nhiên thị trường đã rời vào trạng thái trầm lắng trong 2 quý tiếp theo với biên độ dao động khá hẹp. Đến đầu quý IV năm 2019, chỉ số VN-index đã có cú bức phá mạnh trước khi điều chỉnh giảm và chốt năm với mức tăng trưởng khiêm tốn 7,7% cả năm 2019. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế và đầu tư cả trong và ngoài nước, Thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn là một kênh đầu tư hấp dẫn cho các Nhà đầu tư nước ngoài và trở thành một nguồn cung cấp tài chính thực sự cho nền kinh tế. Nhiều đánh giá cho thấy Thị trường đã trở nên hấp dẫn sau đợt điều chỉnh so với mức đỉnh 1.200 điểm lập được đầu năm 2018 cùng với ***dấu hiệu điều chỉnh tích lũy trong năm 2019***, một số điểm chính giúp củng cố xu hướng tăng điểm cho Thị trường Chứng khoán như sau:

* Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP, tín dụng, lãi suất, lạm phát, tỷ giá, tình hình thu hút FDI, chỉ số PMI... như đã phân tích ở trên. Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ phát triển kinh tế mới.
* Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu PER hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, ROA khá cao). Điều này đã được chứng minh một phần qua mức độ tăng trưởng mạnh mẽ của Thị trường Chứng khoán thể hiện qua các chỉ số như giá trị mua ròng mạnh mẽ của Nhà đầu tư nước ngoài vào cổ phiếu niêm yết.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước và việc niêm yết cổ phiếu của các ngân hàng trước năm 2020; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ tháng 01 năm 2021. Bên cạnh đó, những rủi ro tiềm ẩn cần lưu ý bao gồm chiến tranh thương mại đang diễn ra hết sức phức tạp giữa Mỹ - Trung – và các nước khác, tình hình Trung Quốc tiếp tục suy giảm sâu bao gồm việc phá giá mạnh đồng Nhân dân tệ, bất ổn trên phương diện chính trị - kinh tế ở các nước Mỹ, Ý, và khu vực Châu Âu tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến sự ổn định của đồng tiền VNĐ cũng như khả năng gây ra những biến động khó lường của dòng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Như vậy, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian sắp tới vẫn sẽ có một kịch bản sáng sủa hơn cùng với kỳ vọng tiếp tục khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo.

**VI. Thông tin khác**

1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| *Ông* **Trần Châu Danh**, Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Tp. HCM;
* Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Tp. HCM;
* Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Tp. HCM;
* Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst);
* Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán (CMT);
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông có khoảng hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam, ông từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Prudential). |
| *Ông* **Masafumi Takeshita**Phó Giám đốc Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro | ***Trình độ chuyên môn*** * Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản;
* CMA level 2, Hiệp hội phân tích chứng khoán Nhật Bản (SAAJ).

***Kinh nghiệm làm việc***Ông đã có khoảng mười (10) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, đầu tư ở nước ngoài.Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông đã có hơn bốn (04) năm kinh nghiệm ở vị trí cấp cao phụ trách hoạt động tín dụng của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Nhật Bản; một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu và uy tín tại Nhật Bản có trụ sở chính tại Tokyo. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại bộ phận phân tích của Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Singapore. |
| *Ông* **Đặng Vị Thanh**,Thành viên Ban Điều hành giữ chức vụ Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học Kinh tế Tp. HCM,
* Cử nhân Anh ngữ, Đại học Mở Tp. HCM;
* Chứng chỉ Quốc tế chuyên ngành Bảo hiểm Nhân thọ: Fellowship, Life Management Institue (FLMI)
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ; trong đó hơn mười (10) năm được đề bạt vào các chức danh quản lý tại các công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông từng là Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam và sau đó đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh, Khối khách hàng cá nhân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (trước đó có tên là VinaWealth).Ông có sự am hiểu sâu sắc về thị trường quỹ mở và tích cực đóng góp cho sự phát triển của thị trường quỹ mở tại Việt Nam. |

1. Người điều hành Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| *Ông* **Đặng Nguyễn Trường Tài,**Phó Giám đốc Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
* Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada);
* CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM;
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

***Kinh nghiệm làm việc***Ông có khoảng mười lăm (15) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính, ngân hàng, trong đó có khoảng mười (10) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam.  |
| *Bà* **Trần Thị Anh Trâm,**Trưởng phòng Nghiệp vụ | ***Trình độ chuyên môn*** * Cử nhân Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;
* Cử nhân Đại học Văn Lang, chuyên ngành Kế toán/Kiểm toán;
* Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

***Kinh nghiệm làm việc***Trên mười hai (12) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư. Trong đó có hơn mười (10) năm kinh nghiệm quản lý tài sản tại các Công ty: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. |

1. Ban Đại diện Quỹ

|  |  |
| --- | --- |
| *Ông* **Đỗ Hùng Việt,**Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Tp. HCM (HSC) | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư. Ông hiện đang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Tp. HCM (HSC). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Tp. HCM (HSC). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (04) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Tp. HCM (HIFU) với vị trí Trưởng phòng ủy thác.  |
| *Ông* **Huỳnh Văn Dũng,**Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)  | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (CPA), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (VACPA), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (VAA) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (VTCA).  |
| *Ông* **Nguyễn Gia Huy Chương,**Luật sư điều hành, Công ty TNHH Global Vietnam Lawyers  | Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập, và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (F&B), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.Kể từ tháng 09/2019, ông là Luật sư điều hành của Công ty Luật TNHH Global Vietnam Lawyers (GV Lawyers), trước đó ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc – Luật sư điều hành của Công ty Luật Phước & Các Cộng sự.Ông có bằng Thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế của Trường Luật Bristol Law School – Đại học UWE Bristol (Anh Quốc), Cử nhân Luật tại Đại học Luật Tp. HCM; là thành viên Đoàn Luật sư Tp. HCM và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á – Thái Bình Dương. |

*TP, Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2020*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

 **Trần Châu Danh**

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**